

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẢO LỘC  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 57 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 20/12/2021

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nguyệt

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Ông Tống Văn Long

*Thư ký phiên tòa:* Ông Đặng Khắc Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Chung.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 05 năm 2021, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thùy T**, sinh năm 1977

Nơi cư trú: Thôn 4, xã L, huyện D, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Hồng P**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Hẻm 524 quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/04/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên bà Phạm Thị Thùy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hồng P kết hôn với nhau từ năm 1998 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, thành phố B, tỉnh L, hôn nhân tự nguyện, quá trình vợ chồng chung sống có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, việc làm ăn kinh tế trong gia đình không có sự đồng thuận, khi bà làm ăn thua lỗ thì ông P không giúp đỡ mà bỏ mặc bà tự lo liệu nợ nần, ông P tự ý bỏ về nhà bố mẹ ruột sinh sống mà không hề quan tâm đến vợ, từ năm 2009 thì ông bà đã sống ly thân với nhau, dù đã nhiều lần cố gắng hàn gắn khắc phục nhưng không đạt kết quả gì. Nay tình

cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống do đó bà đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho bà và ông Nguyễn Hồng P.

Về con chung: Bà và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Như Lan T, sinh năm 1999 (đã thành niên), và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007. Ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không có.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng ông P không đến Tòa án làm việc, bà T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải do đó Tòa án không tiến hành hòa giải mà chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị nghị án như sau: Về tố tụng: thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định. Về nội dung vụ án: yêu cầu của bà T được ly hôn với ông P là có cơ sở chấp nhận; đề nghị giao con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị Thùy T khởi kiện yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông Nguyễn Hồng P, địa chỉ: Số nhà 524 Quốc lộ 20, xã L, thành phố B, tỉnh L. Do vậy, xác định đây là tranh chấp ly hôn theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Hồng P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thùy T và ông Nguyễn Hồng P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn đúng theo qui định của pháp luật. Qua xác minh tại địa phương và lời khai của bà T thì quá trình chung sống ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, trong việc làm ăn kinh tế không có sự đồng thuận giúp đỡ nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay, không khắc phục được mâu thuẫn. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông P đã trầm trọng, đời

sống chung không có, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và hợp pháp.

[4]. Về nuôi con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Như Lan T, sinh năm 1999 (đã thành niên), và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007. Bà T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, xét cháu H có nguyện vọng ở với mẹ, đồng thời từ thời điểm năm 2009 đến nay cháu H vẫn do bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Bà T khai đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6]. Về nợ chung, nợ riêng: Các đương sự khai không có. Trong quá trình giải quyết không ai có tranh chấp gì nên không xem xét.

[7]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 51 và Điều 56, Điều 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Thùy T và ông Nguyễn Hồng P.

2. Về con chung: Bà T và ông P có 02 con chung tên Nguyễn Như Lan T, sinh năm 1999 (đã thành niên), và Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007. Giao con chung chưa thành niên tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 07/04/2007 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên. Bà T có đủ điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

*Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

3. Về án phí: Bà Phạm Thị Thùy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0019109 ngày 25/05/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc (Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 7a, điều 7b và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- + Các đương sự;
- + VKSND TP. Bảo Lộc;
- + T.H.A Bảo Lộc;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã nơi ĐKKH
- + Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Thị Nguyệt.**